

Thời xưa phần lớn Học trò

HỌC Ở ĐÂU

TRUNG NGHĨA

Quốc Tử Giám chỉ có thể thu hút rất ít học trò thời xưa, thường thuộc tầng lớp thượng lưu. Số đông còn lại theo học các trường làng “ngoài công lập”...

Những cuộc thảo luận về hệ thống giáo dục Việt Nam thời phong kiến thường xoay quanh Quốc Tử Giám - trường Đại học đầu tiên ở Thăng Long (Hà Nội), hay hệ thống các trường địa phương do Nhà nước quản lý. Nhưng trong thực tế, hệ thống giáo dục chính thống này chỉ thu hút một bộ phận học sinh rất nhỏ, phần đông là con em tầng lớp thượng lưu. Còn nhu cầu học tập của đại bộ phận dân chúng được đáp ứng bởi những ngôi trường làng tự phát, không chính thức. Thầy dạy ở các trường này thuộc vào hai loại: những người có học vị nhưng muốn sống ẩn dật và những người mặc dù rất có tài năng nhưng không đỗ đạt qua các kỳ thi.

Trường làng có nhiều dạng. Nếu nhà thầy rộng, thì nhà thầy sẽ kiêm luôn nhà học. Còn nếu thầy nghèo, thầy sẽ ở nhờ nhà một người giàu có và dạy cho con cháu chủ nhà cùng con cháu những nhà khác. Nhưng dù trong điều kiện nào, thầy đồ vẫn luôn được kính trọng, như trong mấy câu thành ngữ Việt Nam “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” hay “không thầy đố mày làm nên”.

Thủ tục xin học được tiến hành giữa thầy và cha mẹ học trò. Khi trẻ em đến sáu, bảy tuổi, các bậc cha mẹ dẫn chúng đến xin thầy cho thụ giáo. Người thầy sau đó xin phép chủ nhà nhận thêm các

học trò khác, ngoài con cháu nhà chủ. Thường thì chủ nhà chấp thuận, bởi lẽ điều này mang lại vinh dự cho ông ta. Cha mẹ cậu bé góp một con gà, một đĩa xôi, một chai rượu để làm lễ nhập môn. Trong bữa cơm, thầy giáo, chủ nhà, cha mẹ cậu bé bàn về tính cách cậu học trò và triển vọng của cậu ta.

Trong những tháng đầu tiên, bao giờ cũng là những bài học về đạo đức. Các cậu học trò học cách cư xử sao cho phải phép với người lớn, làm những việc vặt như quét sân, quét lớp hay mài mực cho thầy. Nếu mắc lỗi, cậu có thể bị đánh đòn.

Sau các bài học đạo đức, người thầy bắt đầu dạy học trò đọc và viết chữ Hán. Trên lớp, thầy ngồi trên chiếu hoa; xung quanh là tráp, bút, nghiên, diều. Học trò ngồi đối diện với thầy trên những chiếc chiếu nhỏ hơn, trò bé ngồi hàng trước. Tuổi tác học trò trường làng rất chênh lệch, từ trò nhỏ cho tới những anh chàng có vợ, sửa soạn đi thi hương.

Thầy giảng xong nhóm này thì quay sang giảng cho nhóm kia. Ở những lớp học đông, thầy chọn hai anh trưởng tràng để giúp thầy coi sóc mọi việc, anh trưởng tràng nội lo những việc trong phạm vi trường lớp, anh trưởng làng ngoại lo những việc bên ngoài.

Học trò đến trường từ 6 giờ sáng để nộp bài tập cho thầy, sau đó, về nhà ăn sáng. Vào lúc 9 giờ, học trò trở lại trường, rồi học một mạch cho tới 3 giờ chiều. Học trò tuân thủ thời gian biểu này hằng ngày, không có ngày nghỉ cuối tuần. Nhưng hằng năm học trò được nghỉ ba kỳ dài để giúp bố mẹ công việc đồng áng, vào tháng 5 âm lịch, tháng 10 âm lịch và hai tháng trước sau Tết Nguyên Đán.

Cha mẹ các trò trả công cho thầy một hoặc hai lần mỗi năm, ngoài ra còn sắm cho thầy hai quần dài, hai áo dài, ba áo cộc. Nhiều trường hợp, cha mẹ các trò còn biếu tiền, quà cáp cho thầy khi thầy trở về nhà vào mỗi kỳ nghỉ. Học trò lớn có khi còn được phái “hộ tống” thầy về quê. Dưới triều vua Minh Mạng (1820 - 1840) hễ khi mùa màng thất bát hay khi nhà dân đói khổ, triều đình cho phép các địa phương trích lợi tức ruộng công để giúp đỡ các thầy giáo làng.

(Xem tiếp trang 65)

Thời xưa... (Tiếp theo trang 63)

Mỗi khi người thân trong nhà thầy mất, các trò quyên "tiền đồng môn" giúp thầy. Anh trưởng tràng nội chuẩn bị một bản ghi số tiền mỗi trò, cả trò cũ lẫn trò đang học, phải đóng góp, căn cứ vào hoàn cảnh từng người, rồi nộp cho anh trưởng tràng ngoại để anh này đi thu tiền. Ngày xưa, hành vi trốn thuế triều đình còn có thể được dư luận châm chước, chứ hành vi trốn đóng góp "tiền đồng môn" thì bị coi là một sự trốn tránh nghĩa vụ, vô đạo đức.

Các trường làng đều theo chương trình chung do Nhà nước quy định, sử dụng các tác phẩm kinh điển của Khổng giáo bằng chữ Hán và sách văn

văn do tác giả người Việt Nam soạn để giúp học sinh dễ nhớ chữ Hán. Trường làng còn chuẩn bị cho học sinh đủ trình độ dự các kỳ thi ở vùng hoặc ở kinh đô. Những trường tốt nhất còn thu hút được học sinh các làng khác.

Sau kỳ thi hội cuối cùng năm 1919, các trường dạy bằng chữ Hán dần dần biến mất khỏi cuộc sống làng quê. Các phương pháp học tập truyền thống cũng dần dần mai một. Nhưng dù là bút máy, rồi sau này là bút bi đã thế chỗ bút lông và nghiên mực, tinh thần tôn sư trọng đạo vẫn là một bộ phận trong nền tảng đạo đức Việt Nam.

T.N
(Theo DVT.VN)

Số 4
2011

THÔNG TIN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - QB

65